

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 4330 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng tại xã Khánh Sơn, xã Xuân Lâm và xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (từ 49.000 m³/năm lên 150.000 m³/năm)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất khai thác mỏ cát xây dựng tại xã Khánh Sơn, xã Xuân Lâm và xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (từ 49.000 m³/năm lên 150.000 m³/năm);

Xét đề nghị của Hợp tác xã Lam Sơn Đại Thành tại Văn bản số 03/CV-HTX ngày 23/01/2024 về việc điều chỉnh kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng tại xã Khánh Sơn, xã Xuân Lâm và xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 753/STNMT-BVMT ngày 30/01/2024 và của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1638/SNN-TL ngày 02/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng tại xã Khánh Sơn, xã Xuân Lâm và xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (từ

49.000 m³/năm lên 150.000 m³/năm), sau đây gọi tắt là Dự án do Hợp tác xã Lam Sơn Đại Thành làm chủ Dự án (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại các xã: Khánh Sơn, Xuân Lâm và Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng tại xã Khánh Sơn, xã Xuân Lâm và xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (từ 49.000 m³/năm lên 150.000 m³/năm).

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nam Đàn; Chủ tịch UBND các xã: Khánh Sơn, Xuân Lâm và Thượng Tân Lộc; Giám đốc Hợp tác xã Lam Sơn Đại Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./T

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT KHAI THÁC MỎ CÁT LÀM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI KHU VỰC CÁC XÃ: KHÁNH SON,
XUÂN LÂM, THƯỢNG TÂN LỘC, HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN
(TỪ 49.000M³/NĂM LÊN 150.000M³/NĂM)**

(kèm theo Quyết định số 4330/QĐ-UBND

ngày 29 /5/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: nâng công suất khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực các xã Khánh Sơn, Xuân Lâm, Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (từ 49.000m³/năm lên 150.000m³/năm).

- Địa điểm thực hiện: bãi bồi sông Lam tại khu vực các xã Khánh Sơn, Xuân Lâm, Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Chủ dự án: Hợp tác xã Lam Sơn Đại Thành.

- Địa chỉ: nhà văn hóa khối Lam Sơn, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Điện thoại: 0944424364.

- Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Trọng Hà, Giám đốc.

- Ngày 28/4/2022, UBND tỉnh Nghệ An có Công văn số 3021/UBND-NN đồng ý chủ trương điều chỉnh công suất khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường của Hợp tác xã Lam Sơn Đại Thành.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

a. Phạm vi, diện tích

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là: 37,2ha; trong đó khu vực 1: (thuộc xã Thượng Tân Lộc): 24ha, khu vực 2 (thuộc xã Thượng Tân Lộc): 1,2ha, khu vực 3 (thuộc xã Khánh Sơn và xã Xuân Lâm): 12ha.

- Trữ lượng địa chất: UBND tỉnh Nghệ An đã phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trữ lượng (cấp 122): 1.686.095m³.

- Trữ lượng khai thác: theo báo cáo thống kê, tính đến thời điểm 31/12/2023 trữ lượng cát làm vật liệu xây dựng còn lại của mỏ là: 810.414m³ cát nguyên khối.

- Công suất: dự án nâng công suất khai thác mỏ cát từ 49.000m³ cát nguyên khai/năm lên 150.000m³ cát nguyên khai/năm (hệ số nở rời k=1,21).

+ Khu vực 1: khai thác khoảng 133.975m³ cát nguyên khai/ năm;

+ Khu vực 2: khai thác khoảng 1.140 m³ cát nguyên khai/năm (không tăng công suất khu vực này);

+ Khu vực 3: khai thác khoảng 14.885m³ cát nguyên khai/năm.

- Tuổi thọ dự án: 6,5 năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Dự án sử dụng công nghệ tàu hút cát lên tàu sau đó vận chuyển bằng tàu về bến tập kết rồi sàng tuyển phân loại cát.

- Hoạt động khai thác khoáng sản được tổng hợp bằng các sơ đồ dưới đây:

+ Tàu hút hỗn hợp cát, sỏi, nước → bãi tập kết sản phẩm → phân loại sản phẩm → xuất bán sản phẩm;

+ Số lượng tàu hút 6 tàu, mỗi tàu gắn 02 máy bơm hút cát, công suất 50m³/h;

+ Số ngày làm việc trong năm: $T_n = 240$ ngày, số giờ làm việc trong ngày: $T_c = 8$ giờ (thời gian làm việc từ 7h đến 17h).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

a. Chọn vị trí mở vĩa

Với đặc thù là mỏ cát là bãi bồi sông có địa hình thấp, địa hình tương đối bằng. Phương án mở mỏ là chọn vị trí phù hợp với điều kiện dòng chảy và bãi bồi, đảm bảo công tác khai thác theo trình tự để tận thu tối đa tài nguyên cát.

Vị trí mở vĩa: với đặc điểm của khu mỏ, hệ thống khai thác dự kiến áp dụng thì vị trí mở vĩa được xác định là điểm cuối cùng ở phía Đông Bắc, giáp với điểm 5 của khu mỏ (khu vực 1); phía Đông Nam, giáp với điểm 14 của khu mỏ (khu vực 2); phía Đông Bắc, giáp với điểm 18 của khu mỏ (khu vực 3) ở phía hạ nguồn các khu vực mỏ.

Trong điều kiện sử dụng bơm hút (tàu hút) để khai thác cát bãi bồi thì công tác mở vĩa rất đơn giản, có thể coi là không hình thành công tác mở vĩa.

b. Khu vực bến

Dự án thuê bến vật liệu xây dựng (VLXD) xóm Đồng Văn, xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn của Hộ kinh doanh Lê Văn Hạ để làm bãi tập kết cát và sàng tuyển phân loại cát, sau đó xuất bán trực tiếp tại bến cho khách hàng. Bến đã được Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An công bố hoạt động bến thủy nội địa tại Quyết định số 702/QĐ-SGTVT ngày 30/9/2022 với tổng diện tích vùng đất là 3.978m². Bến VLXD xóm Đồng Văn, xã Hùng Tiến đã được UBND huyện Nam Đàn cấp Bản cam kết bảo vệ môi trường tại Văn bản số 1990/TB-UBND ngày 14/11/2014.

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

- Dự án sử dụng các công trình phụ trợ có sẵn tại bến thuê như: sân đường khu vực bãi tập kết; nhà văn phòng; nhà vệ sinh có bể tự hoại.

- Xây dựng mới các công trình bảo vệ môi trường: hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa, hố lắng xử lý nước thải mưa chảy tràn, nước thải sản xuất, bể yếm khí, vệ sinh xe trước khi ra khỏi bến, kho lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.

- Hoạt động bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa máy móc khi hư hỏng được đưa ra các gara chuyên dụng, không xây dựng xưởng sửa chữa.

1.4.3. Các hạng mục công trình lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải bảo vệ môi trường

a. Công trình thu gom, thoát nước mưa và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn:

+ Khu vực mở: dự án là một phần của bãi bồi ven sông và bãi bồi giữa lòng sông Lam nên việc thoát nước mưa chảy tràn của dự án theo phương thức tự chảy theo địa hình và thấm thấu qua thân khoáng cát;

+ Khu vực bến tập kết:

++ Hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa chảy tràn dọc theo phạm vi ranh giới khu vực bến tập kết: kích thước chiều rộng mặt rãnh 0,7m; chiều rộng đáy 0,3m; chiều sâu mương 0,5m;

++ 01 hồ lắng thu gom nước mưa chảy tràn và nước thải sản xuất, kích thước hồ lắng 2 ngăn: 8m x 8m x 2m; vị trí hồ lắng ở cuối mương thu gom nước mưa chảy tràn phía Nam khu vực bến.

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại tại khu vực bến thuê thể tích 8m³, đảm bảo khả năng xử lý nước thải sinh hoạt cho cán bộ công nhân dự án.

- Nước thải sản xuất, nước thải vệ sinh xe: 01 hồ lắng thu gom nước thải sản xuất, nước thải vệ sinh xe và nước mưa chảy tràn, kích thước hồ lắng 2 ngăn: 8m x 8m x 2m; vị trí hồ lắng ở cuối mương thu gom nước mưa chảy tràn phía Nam khu vực bến.

b. Công trình xử lý bụi, khí thải

Xây dựng 01 khu vực xịt rửa xe bằng bê tông xi măng, có chiều dài 12m, rộng 6m, sâu 0,3m; lắp đặt hệ thống bơm, vòi xịt, đường ống để xịt rửa xe; vị trí rửa xe là cổng ra vào bến tập kết; nước thải vệ sinh xe được thu gom, xử lý lắng cặn chung cùng nước mưa chảy tràn và nước thải sản xuất.

c. Công trình thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 02 thùng composites đựng chất thải rắn sinh hoạt, thùng có nắp đậy, dung tích 50 lít, có màu khác nhau để phân loại rác tại nguồn, dán nhãn chất thải sinh hoạt trên nắp thùng để phân loại rác tại nguồn, vị trí đặt tại nhà văn phòng khu vực bến thuê.

d. Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Bố trí 03 thùng composites dung tích 100 lít có nắp đậy, dán mã chất thải nguy hại trên nắp thùng để phân loại, lưu giữ riêng trong kho chứa chất thải nguy hại.

- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 4m², bố trí trong diện tích bãi tập

kết; kho có mái che, bao kín bằng tôn, nền láng bê tông và gờ chắn để phòng chống tràn dầu, ngoài kho có biển báo và khóa cửa.

e. Công trình bãi thải

Toàn bộ sản phẩm cát sau khi sàng tuyển phân loại đều được xuất bán hết cho khách hàng. Khối lượng bùn thải nạo vét hố lắng được hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý ngay theo quy định. Vì vậy dự án không bố trí bãi thải.

1.4.4. Các hoạt động của dự án

- Đào hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa chảy tràn xung quanh phạm vi khu vực bến bãi thuê.
- Đào hố lắng 2 ngăn thu gom, xử lý lắng cặn nước thải sản xuất và lắng cặn xử lý nước mưa chảy tràn chung tại khu vực bến thuê.
- Lắp đặt bổ sung các thùng thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.
- Xây dựng kho lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại tại khu vực bến thuê.
- Hoạt động phát quang dần trải trong quá trình khai thác, khai thác đến đâu tiến hành phát quang đến đó.
- Khai thác cát bằng tàu hút, vận chuyển cát từ các khu vực của mỏ về bến tập kết bằng đường thủy.
- Hoạt động vận chuyển cát lên bãi tập kết bằng bơm hút, kết hợp sàng tuyển phân loại cát bằng sàng cung.
- Hoạt động bốc xúc cát tại bến bãi và vận chuyển cát tiêu thụ.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên dự án tại khu nhà văn phòng bến thuê.

1.4.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực 1 nằm ở phía thượng lưu, cách cống lấy nước Nam Đàn khoảng 7km, khu vực 2 nằm ở phía hạ lưu, cách cống lấy nước Nam Đàn khoảng 100m (phía bờ tả). Cống lấy nước phục vụ cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hạng mục thi công xây dựng bổ sung mới các công trình bảo vệ môi trường tại khu vực bến thuê phát sinh bụi, tiếng ồn, chất thải rắn gây tác động đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận, sức khỏe cán bộ, công nhân viên và môi trường xung quanh khu vực bến thuê.
- Hoạt động khai thác cát bằng tàu hút gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, ảnh hưởng hệ sinh thái trong khu vực, có thể gây ra các sự cố môi trường như sạt, trượt lở bờ, lòng sông, sự cố an toàn lao động.

- Hoạt động sàng tuyển phân loại cát tại khu vực bến phát sinh nước thải sản xuất, bùn cặn từ hồ lắng ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, cảnh quan môi trường xung quanh.

- Vận chuyển cát thành phẩm đi tiêu thụ phát sinh bụi, gây ảnh hưởng đến dân sinh khu vực hai bên đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

Dự án nâng công suất khai thác chủ yếu bổ sung một số công trình, hạng mục bảo vệ môi trường tại khu vực bến thuê, khối lượng thực hiện khá đơn giản và thời gian xây dựng cơ bản rất ngắn trong năm khai thác thứ 1. Các tổ tác động môi trường và chất thải thi công các hạng mục này được đánh giá đưa vào chung trong giai đoạn khai thác.

3.1. Nước thải, khí thải

a. Nước thải

- Nước mưa chảy tràn phát sinh: $17.164\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, sỏi đá.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh: $1,28\text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước thải vệ sinh xe: $5\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần chứa nhiều chất rắn lơ lửng như bùn, đất, cát.

- Nước phun ẩm giảm thiểu bụi: lượng nước phun ẩm hầu hết thấm thấu và bốc hơi.

b. Bụi, khí thải

- Bụi phát sinh do hoạt động khai thác và vận chuyển cát về bến bãi: dự án sử dụng công nghệ khai thác cát bằng tàu hút, vận chuyển bằng đường thủy về bến tập kết, sau đó bốc xúc cát bằng xáng cạp lên bãi. Do cát sau khai thác có độ ẩm cao nên lượng bụi phát sinh không đáng kể.

- Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc cát thành phẩm lên xe ô tô tại bãi tập kết: sản phẩm cát có độ ẩm cao nên lượng bụi phát tán ít và không có khả năng lan xa khu vực xung quanh.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển thành phần gồm bụi mịn, CO_2 , SO_2 , NO_x , VOC.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn phát quang: khối lượng phát sinh: 2.520m^3 ; thành phần gồm thân, cành, lá cây, dễ phân hủy.

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh: $1,05\text{ kg}/\text{ngày}$; gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải rắn

sinh hoạt khác (hộp xốp, mảnh vỡ chai thủy tinh,...); dự án không phát sinh chất thải thực phẩm.

- Chất thải rắn thông thường: bao gồm bùn sét phát sinh khi tuyển rửa với khối lượng 2.136 m³/năm.

- Chất thải rắn nguy hại: khối lượng phát sinh: 33,6 kg/năm bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy thải, bóng đèn neon bị hỏng, pin, mực...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Dự án xa khu dân cư, khu vực khai thác có không gian rộng lớn. Tiếng ồn từ các phương tiện khai thác được sử dụng không liên tục. Tiếng ồn từ hoạt động khai thác cát chỉ ảnh hưởng đến nội bộ khu vực mỏ mà không ảnh hưởng lớn đến khu dân cư sinh sống. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA, từ 21h-6h là 55dBA.

Tiếng ồn và độ rung do xe vận chuyển cát chạy trên đường gây ảnh hưởng đến khu dân cư dọc tuyến đường vận chuyển khu vực bến tập kết xã Hùng Tiến, độ ồn do xe vận chuyển gây ra khi chạy qua khoảng 80dB. Tiếng ồn này chỉ tác động tức thời lúc xe chạy qua chứ không liên tục. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dB, từ 21h-6h là 60dB.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến cảnh quan và hệ sinh thái: hoạt động khai thác cát sử dụng tàu hút có ảnh hưởng nhất định đến cảnh quan và hệ sinh thái khu vực thực hiện dự án và xung quanh. Việc khai thác cát làm mất đi địa hình bãi bồi ban đầu. Mặc dù diễn biến bồi lấp, sắp xếp vật liệu phục hồi diễn ra liên tục nhưng thời gian lâu.

- Các tác động đến các khu vực nhạy cảm về môi trường: khả năng gây đục nguồn nước tại khu vực sông Lam đi ngang qua khu vực của dự án.

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố sạt lở bờ sông; sự cố tai nạn lao động, đuối nước; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông.

3.5. Đánh giá tác động sạt lở lòng, bờ, bãi sông theo điểm 2, điều 20, nghị định 23/2020/NĐ-CP ngày 24/2/2020

- Đánh giá khả năng sạt lở: hoạt động khai thác cát tại mỏ không ảnh hưởng tới sự ổn định của bờ sông và các vùng đất ven sông tại khu vực.

- Đánh giá sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ: hoạt động khai thác cát của dự án đã góp phần khơi thông, cải thiện dòng chảy của lòng sông. Việc tiêu thoát nước trong mùa lũ tại khu vực mỏ diễn ra thuận lợi hơn.

- Tác động do bồi lắng, ổn định dòng sông: việc khai thác cát của dự án tác động gây sạt lở là không đáng kể và có yếu tố tích cực là khơi thông dòng chảy.

- Đánh giá sự suy giảm mực nước sông trong mùa cạn và ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác nước trên sông: ảnh hưởng không đáng kể đến nhu cầu cung cấp nước, chất lượng nguồn nước và hoạt động giao thông trên sông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương (chỉ làm việc 8h trên công trường, chủ yếu sinh hoạt tắm rửa ở nhà) nhằm giảm mức phát thải nước thải sinh hoạt.

- Sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại đã có tại nhà văn phòng bên thuê để công nhân sử dụng với dung tích $8m^3$, đảm bảo khả năng xử lý nước thải sinh hoạt cho cán bộ công nhân dự án thuê.

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

b. Nước mưa chảy tràn và nước thải sản xuất:

- Khu vực mỏ: dự án là một phần của bãi bồi ven sông và bãi bồi lòng sông nên việc thoát nước mưa chảy tràn theo phương thức tự chảy và thấm thấu qua thân khoáng cát.

- Khu vực bên tập kết:

+ Đào hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa chảy tràn dọc theo phạm vi ranh giới khu vực bên tập kết, kích thước chiều rộng mặt: 0,7m; chiều rộng đáy: 0,3m; chiều sâu mương: 0,5m;

+ Đào hố lắng để thu gom nước mưa chảy tràn và nước thải sản xuất; kích thước hố lắng 2 ngăn: 8m x 8m x 2m; vị trí hố lắng ở cuối mương thu gom nước mưa chảy tràn phía Nam khu vực bên;

+ Thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn và thải sản xuất đạt QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A2, hệ số $k=1$ trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận sông Lam.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Thu gom xử lý nước mưa chảy tràn khu vực bên tập kết và xử lý lắng lọc trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận;

+ Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất đạt quy chuẩn môi trường;

+ Việc xử lý nước thải phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Khi chuyên chở cát cần phải có bạt che kín thùng xe, không chở cát vượt quá dung tích thùng xe.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc, phương tiện vận tải.

- Lái xe phải tuân thủ các nội dung yêu cầu về tình trạng kỹ thuật xe, chấp hành đúng những quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tất cả các loại xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyên, đối với những vị trí hư hỏng do dự án gây ra phải được khắc phục ngay.

- Xây dựng 01 khu vực xịt rửa xe bằng bê tông xi măng, có chiều dài 12m, rộng 6m, sâu 0,3m; lắp đặt hệ thống bơm, vòi xịt, đường ống để xịt rửa xe; vị trí rửa xe là công ra vào bên tập kết; nước thải vệ sinh xe được thu gom, xử lý lắng cặn chung cùng nước mưa chảy tràn và nước thải sản xuất.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Đặt tại nhà văn phòng khu vực bến thuê 02 thùng composites có nắp đậy, dung tích 50 lít, có màu khác nhau để phân loại rác tại nguồn, dán nhãn chất thải sinh hoạt trên nắp thùng đựng chất thải sinh hoạt.

- Tái sử dụng hoặc bán phế liệu đối với loại chất thải rắn sinh hoạt có nguồn gốc là kim loại hoặc nhựa.

- Khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến điểm tập kết rác thải chung theo lịch đồ rác của địa phương.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn phát quang:

+ Phát quang cuộn chiếu, song song trong quá trình khai thác;

+ Thực vật từ hoạt động phát quang được thu gom và cho người dân ủ hoai bón cho đất hoa màu.

- Đối với chất thải rắn sản xuất:

Toàn bộ sản phẩm cát sau khi sàng tuyển phân loại đều được xuất bán hết cho khách hàng. Khối lượng bùn thải nạo vét hố lắng được hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý ngay theo quy định. Dự án không bố trí bãi thải.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và khai thác Dự án

đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

c. Công trình kho lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích $4m^2$, bố trí trong diện tích nền tập kết; kho có mái che, bao kín bằng tôn, nền láng bê tông và gờ chắn để phòng chống tràn dầu, ngoài kho có biển báo và khóa cửa.

- Bố trí 3 thùng composites dung tích 100 lít có nắp đậy, dán mã chất thải nguy hại trên nắp thùng để phân loại, lưu giữ riêng trong kho chứa chất thải nguy hại.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và khai thác Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất.
- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân.
- Không sử dụng các thiết bị quá cũ phát sinh tiếng ồn lớn vào thi công.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, thay dầu mỡ máy móc động cơ đảm bảo các thiết bị thi công ở trạng thái hoạt động tốt.
- Bố trí thời gian làm việc, nghỉ hợp lý cho cán bộ công nhân viên dự án.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

a. Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai trường

- Đóng cọc tre theo chiều dài bờ mở dọc bờ sông:

Dự án gồm 3 khu vực trong đó khu vực 1 và khu vực 2 là bãi bồi ven sông, khu vực 3 là bãi bồi giữa lòng sông. Vì vậy công tác gia cố, cải tạo phục hồi môi trường bờ sông chỉ tiến hành khu vực 1 và khu vực 2.

Khu vực 1 chiều dài dọc bờ sông là 1.726m, đóng thêm ở thượng nguồn và hạ nguồn là 20m; khu vực 2 chiều dài dọc bờ sông là 306m, đóng thêm ở thượng nguồn và hạ nguồn là 20m. Sử dụng cọc tre đường kính $D = 8cm$, dài 3,0m đóng

03 hàng so le nhau dọc theo mép mỏ dọc bờ sông; mỗi hàng cách nhau 0,5m; mỗi cọc cách nhau 0,5m; đóng ngập đất 2,0m; phía trên 1,0m để gia cố phen nửa và chèn thêm hỗn hợp đá sỏi, đất sét.

Số cọc tre cần dùng khu vực 1: $(1.726 : 0,5) \times 3 + 1 = 10.357$ cọc.

Số cọc tre cần dùng khu vực 2: $(306 : 0,5) \times 3 + 1 = 1.837$ cọc.

Tổng số cọc tre sử dụng để gia cố bờ sông của dự án là 12.194 cọc. Chiều dài cọc tre: $12.194 \times 3\text{m} = 36.582\text{m}$.

- Gia cố thêm phen nửa dọc bờ sông:

Sau khi đã đóng 3 hàng cọc tre, mỗi cọc dài 3m, đóng ngập cọc 2m, còn 1m dùng phen nửa gia cố 01 hàng ngoài cùng phía lòng sông. Chiều dài gia cố phen nửa khu vực 1 là 1.726m, chiều dài gia cố phen nửa khu vực 2 là 306m. Tổng chiều dài gia cố phen nửa khu vực là: 2.032m, tổng khối lượng gia cố phen nửa là: $2.032\text{m} \times 1,0\text{m} = 2.032\text{m}^2$.

- Chèn thêm hỗn hợp đá sỏi, đất sét gia cố bờ moong phía mép sông:

Tổng chiều dài cần gia cố bờ mỏ tại khu vực 1 và 2 là: 2.032m; chiều cao 1,5m; chiều rộng 1,5m. Tổng khối lượng hỗn hợp cần bổ sung để gia cố là: $2.032\text{m} \times 1,5\text{m} \times 0,5\text{m} = 1.524\text{m}^3$.

- Lắp đặt biển báo nguy hiểm dọc theo chiều dài khai thác:

Tiến hành cắm các biển báo hiệu nguy hiểm dọc theo bờ mỏ khu vực 1 và khu vực 2 có tổng chiều dài: 2.032m. Khoảng cách 100m lắp đặt 1 biển báo, số lượng biển báo nguy hiểm: 20 cái.

- Gỡ bỏ phao ranh giới khai thác, thu dọn trang thiết bị vào bờ, khối lượng tháo dỡ ước tính phao khoảng 0,25 tấn. Như vậy có 06 phao khối lượng cần tháo dỡ là 1,5 tấn.

b. Kho bãi khu vực phụ trợ phục vụ khai thác

Dự án thuê bến để tập kết và bán sản phẩm trực tiếp, công tác cải tạo phục hồi môi trường mỏ không bao gồm khu vực phụ trợ.

c. Đối với khu vực xung quanh không thuộc diện tích được cấp phép nhưng bị thiệt hại do các hoạt động khai thác

- Trong quá trình hoạt động của mỏ, đơn vị cam kết thực hiện nghiêm túc theo đúng thiết kế khai thác, chỉ khai thác trong khu vực ranh giới mỏ được cấp phép không gây ảnh hưởng tới các khu vực ngoài phạm vi diện tích được cấp phép, đảm bảo không xảy ra hiện tượng sụt lún, sự cố sạt lở.

- Tiến hành cải tạo đoạn đường vận chuyển từ bến ra đường ven đê sông Lam với tổng chiều dài khoảng 300m, chiều rộng mặt đường 6m. Diện tích cải tạo đường: $300\text{m} \times 6\text{m} = 1.800\text{m}^2$.

d. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền phải ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của dự án là:

1.293.678.000 đồng (bao gồm số tiền 444.415.136 đồng Hợp tác xã Lam Sơn Đại Thành đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tính đến ngày 24/01/2024).

- Số lần ký quỹ 7 lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: 323.419.500 đồng.

+ Từ lần thứ 2 đến lần thứ 7, mỗi lần ký quỹ với số tiền là: 161.709.750 đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

- Thời điểm: thời điểm ký quỹ lần đầu thực hiện trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án. Từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường Nghệ An.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

* Biện pháp phòng ngừa sự cố xảy ra trong quá trình khai thác:

- Chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế cơ sở, thực hiện khai thác đúng nội dung thiết kế đã được đơn vị có chức năng thẩm tra.

- Thực hiện tốt quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, giao thông vận tải...

* Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố xói lở, bồi lắng lòng, bờ, bãi sông theo Nghị định 23/2020/NĐ-CP ngày 24/2/2020:

- Phục hồi cắm mốc các điểm khếp góc khu vực mở khai thác cát.

- Lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác.

- Chỉ hoạt động khai thác từ 7h sáng đến 17h chiều (trong đó không thi công vào giờ nghỉ trưa (11h30 – 13h30)).

- Nghiêm chỉnh thực hiện khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt nhằm không gây sạt lở.

- Thực hiện khai thác đúng theo trình tự của hệ thống khai thác, khai thác đến đâu hết khoảng sản và đảm bảo góc kết thúc khai thác đến đó nhằm không gây sạt lở cục bộ, gây sạt lở sau khi kết thúc khai thác.

- Không tập trung khai thác lâu ngày tại một chỗ, tránh khai thác sâu đáy sông tại một chỗ vì như thế sẽ tạo các vực xoáy cục bộ trong khu vực khai thác.

- Lập hệ thống cọc tiêu quan sát diễn biến đường bờ tại khu vực.

- Khai thác đến đâu, thực hiện gia cố bờ sông theo hình thức cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

- Vị trí khai thác phải luôn bảo đảm khoảng cách an toàn tối 02 bên bờ theo đúng phương án kỹ thuật đã được phê duyệt.

- Hướng khai thác theo thực tế điều kiện khí tượng thủy văn khu vực (khai thác từ hạ nguồn lên thượng nguồn).

- Luôn theo dõi diễn biến của quá trình bồi lắng đáy, các hiện tượng sạt lở đường bờ khu vực khai thác, kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có chức năng để có phương hướng giải quyết.

- Thường xuyên kiểm tra khu vực dự án, đề phòng sạt lở.

- Trong trường hợp nếu có xảy ra sạt lở, thực hiện các biện pháp sau:

+ Dừng ngay việc khai thác tại vị trí sạt lở và các đoạn lân cận;

+ Báo cáo ngay cho chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ, báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định, thực hiện khắc phục mới tiếp tục khai thác và không nạo vét tại vị trí và đoạn gần vị trí sạt lở.

- Đóng cọc tre gia cố phân nửa sỏi cuội dọc bờ đê đoạn qua khu vực dự án để đảm bảo cảnh quan, phòng ngừa sự cố sạt lở.

- Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung được duyệt và bàn giao đất lại cho địa phương quản lý sau khi khai thác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

a. Giám sát sự cố sạt lở bờ sông

- Nội dung giám sát: theo dõi diễn biến bờ sông, ghi chép khi có hiện tượng sạt lở (thời điểm, vị trí, khu vực khai thác, thượng lưu, hạ lưu khu vực khai thác; chiều dài đoạn bờ sông bị sạt lở).

- Vị trí giám sát: hai bên bờ sông khu vực mỏ, thượng lưu, hạ lưu khu vực khai thác.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

b. Giám sát sự cố môi trường khác

- Nội dung: giám sát hiện tượng sụt lún, bồi lắng.

- Vị trí giám sát: hai bên bờ sông khu vực mỏ, thượng lưu, hạ lưu khu vực khai thác.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

c. Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Nội dung: giám sát khối lượng phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu.

- Vị trí giám sát: khu vực mỏ và bến bãi.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Chỉ được triển khai thực hiện Dự án khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai thi công.

6.3. Chỉ được khai thác trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp thẩm quyền cho phép.

6.4. Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn lao động, phòng chống thiên tai lũ lụt, sự cố sạt lở lòng, bờ sông.

6.5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.6. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (nếu thuộc đối tượng).

6.7. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định (trừ các thông tin thuộc bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.8. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền

6.9. Cam kết trong quá trình khai thác nếu xảy ra hiện tượng sạt lở, phải dừng ngay việc khai thác, báo cáo với Chính quyền địa phương, cơ quan quản lý để có phương án giải quyết kịp thời.

6.10. Cam kết thực hiện các nội dung theo đã thỏa thuận, thống nhất với cộng đồng dân cư và UBND xã Khánh Sơn, UBND xã Xuân Lâm, UBND xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An./.